

CÔNG TY TNHH TM XD ĐÔNG GIANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM XD ĐÔNG GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110427404

3. Ngày thành lập: 25/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 10, ngõ Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0929729329

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa. (Trừ môi giới bất động sản) (trừ đấu giá tài sản)	4610
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng trang trí nội ngoại thất; Bán buôn đồ điện - nước gia dụng	4649
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, inox, tôn; Bán buôn chì thô, bã chì (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn nhôm thanh; bán buôn đồng. (trừ phế thải kim loại và vàng miếng)	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở)	4669
18.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9522
19.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
20.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
21.	Quảng cáo	7310
22.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
23.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giám sát an toàn lao động, tư vấn đảm bảo an toàn lao động	7490
24.	Cho thuê xe có động cơ	7710
25.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (không hoạt động tại trụ sở)	2013
26.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất các loại dầu bóng (vecni) bảo vệ bề mặt và một số chất trám trét và sơn các loại và dung môi pha sơn; sản xuất mực dạng dầu dùng cho ngành điện tử. (Không hoạt động tại trụ sở)	2022
27.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (không hoạt động tại trụ sở)	2023
28.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất keo dán; sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở)	2029
29.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ cao su (trừ luyện cán cao su tại trụ sở). (Không hoạt động tại trụ sở và trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)	2219

30.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất khuôn mẫu nhựa. Gia công ép nhựa (không sản xuất tại trụ sở). Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ sản xuất xếp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)	2220
31.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2394
32.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2395
33.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa chúng, cửa chớp, cổng, vách ngăn phòng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2511
34.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2512
35.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2591
36.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2592
37.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu. (không hoạt động tại trụ sở)	2599
38.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng (không hoạt động tại trụ sở)	2640
39.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện (không hoạt động tại trụ sở)	2710
40.	Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở)	2750
41.	Sản xuất thiết bị điện khác (không hoạt động tại trụ sở)	2790
42.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Gia công, chế tạo máy móc, thiết bị. (Không hoạt động tại trụ sở).	2819
43.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất, gia công thiết bị phụ tùng máy móc cơ khí, khuôn mẫu (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện, sản xuất gốm sứ - thủy tinh, chế biến gỗ tại trụ sở). (không hoạt động tại trụ sở)	2829
44.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác (Không hoạt động tại trụ sở).	2930

45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
46.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
47.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
48.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5222
50.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô và hóa lỏng khí để vận chuyển)	5229
52.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc những người có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà, thiết bị điện cho gia đình	7729
53.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động giới thiệu việc làm	7810
54.	Cung ứng lao động tạm thời (trừ cho thuê lại lao động)	7820
55.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
56.	Vệ sinh chung nhà cửa (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8121
57.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Không hoạt động tại trụ sở).	3290
58.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa thiết bị điện - nước (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
59.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3313
60.	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
61.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết : Sửa chữa, bảo trì, máy móc ngành tàu biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3315
62.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
63.	Xây dựng nhà để ở	4101
64.	Xây dựng nhà không để ở	4102
65.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
66.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

67.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
68.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
69.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
70.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
71.	Xây dựng công trình thủy	4291
72.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
73.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
74.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
75.	Phá dỡ	4311
76.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
77.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải xi mạ điện tại trụ sở)	4321
78.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni; Bán lẻ kính xây dựng; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
79.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
80.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hóa chất trong lĩnh vực nông nghiệp	4773

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRINH NGOC GIANG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/05/1997 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036097006359

Ngày cấp: 16/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 5, Xã Xuân Thủy, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 5, Xã Xuân Thủy, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRỊNH NGỌC GIANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/05/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036097006359

Ngày cấp: 16/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 5, Xã Xuân Thủy, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 5, Xã Xuân Thủy, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội